

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 166/2024/DS-ST
Ngày 07-8-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-DS ngày 11/4/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2024/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà [Phan Hồng Đ](#), sinh năm 1966 (có mặt).

Ông [Phan Minh Q](#), sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: [Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.](#)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông [Phan Minh Q](#): Bà [Phan Hồng Đ](#), sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: [Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.](#)

- Bị đơn: Bà [Nguyễn Hồng N](#), sinh năm 1985 (vắng mặt).

Ông [Trần Hoài B](#), sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: [Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#) trình bày:

Bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) có cho bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) vay nhiều lần với số tiền 1.800.000.000 đồng, đến ngày 22/02/2019 bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) viết biên nhận nợ số tiền 1.800.000.000

đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/ tháng. Ngày 30/8/2019 bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) cho bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) vay số tiền 442.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng, có làm biên nhận nợ.

Ngày 27/9/2020 bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) có viết cam kết đến ngày 27/9/2022 thanh toán dứt điểm nợ cho bà [Đ](#), ông [Q](#). Sau đó bà [N](#), ông [B](#) có trả được số tiền nợ gốc 1.110.000.000 đồng và có trả tiền lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Số tiền còn lại 1.132.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bà [Đ](#), ông [Q](#) yêu cầu bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) trả số tiền nợ gốc 1.132.000.000 đồng, lãi 20%/năm (tính từ ngày 27/9/2020 đến ngày 27/02/2024) số tiền 773.533.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#) yêu cầu bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) trả số tiền nợ gốc 1.132.000.000 đồng, lãi 400.000.000 đồng, tổng vốn, lãi số tiền 1.532.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#) rút lại số tiền lãi 373.533.000 đồng.

Đối với bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) có nơi cư trú tại [huyện P](#), nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) khởi kiện bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) khởi kiện bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền vay 1.132.000.000 đồng, lãi 400.000.000 đồng. Xét tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#) xác định bà [Đ](#), ông [Q](#) có cho bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) vay nhiều lần với số tiền 1.800.000.000 đồng, đến ngày 22/02/2019 bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) viết biên nhận nợ số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/ tháng. Ngày 30/8/2019 bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) cho bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) vay số tiền 442.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng,

có làm biên nhận nợ. Bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) có trả tiền lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Ngày 27/9/2020 bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) có viết cam kết đến ngày 27/9/2022 thanh toán dứt điểm nợ cho bà [Đ](#), ông [Q](#). Sau đó bà [N](#), ông [B](#) có trả được số tiền 1.110.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.132.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bà [Đ](#), ông [Q](#) yêu cầu bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) trả số tiền nợ gốc 1.132.000.000 đồng, lãi số tiền 400.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho tòa án Biên nhận ngày 22/02/2019; Biên nhận ngày 30/8/2019; Tờ cam kết ngày 27/9/2020 có ký tên và ghi họ tên bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) nhưng không có người chứng kiến và không có người xác nhận nên chưa đủ cơ sở để xác định là chữ ký của bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#). Tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Như vậy bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) là có căn cứ nên cần buộc bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) trả cho nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) số tiền vay 1.132.000.000 đồng, lãi 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét rút một phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi xuất số tiền 373.533.000 đồng là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#). Buộc bị đơn bà [Nguyễn Hồng N](#), ông [Trần Hoài B](#) trả cho nguyên đơn bà [Phan Hồng Đ](#), ông [Phan Minh Q](#) số tiền 1.532.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Hồng N, ông Trần Hoài B phải chịu 57.960.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 34.583.000 đồng, theo biên lai thu số 0003414 ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Võ Minh Luân

